

BỘ CÔNG AN
Số: 80/2020/TT-BCA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 20 tháng 7 năm 2020

THÔNG TƯ

Quy định về cung cấp thông tin đảm bảo hoạt động của Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật phổ biến, giáo dục pháp luật ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật tiếp cận thông tin ngày 06 tháng 4 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số [72/2013/NĐ-CP](#) ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng, Nghị định số 27/2018/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số [72/2013/NĐ-CP](#) ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 13/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật tiếp cận thông tin;

Căn cứ Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng;

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư Quy định về cung cấp thông tin đảm bảo hoạt động của Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nguyên tắc, nội dung, hình thức, quy trình cung cấp thông tin đảm bảo hoạt động của Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an; quyền và trách nhiệm của cơ quan Bộ Công an; Công an các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi chung là Công an các đơn vị, địa phương) trong việc cung cấp thông tin cho Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an.

Điều 2. Nguyên tắc cung cấp thông tin

1. Thông tin cung cấp phục vụ hoạt động của Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an là những thông tin công khai, không thuộc bí mật Nhà nước, nội bộ Công an nhân dân, không phải là thông tin, tài liệu có quy định không được đăng tải công khai trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Việc cung cấp thông tin phải tuân thủ Điều 5 Nghị định số [43/2011/NĐ-CP](#) ngày 13 tháng 6 năm 2011 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan Nhà nước và khoản 1 Điều 5 Nghị định số [72/2013/NĐ-CP](#) ngày 15 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ về quản lý, cung cấp, sử dụng dịch vụ Internet và thông tin trên mạng.

2. Các đơn vị, cá nhân cung cấp thông tin cho Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an có trách nhiệm đảm bảo tính chính xác, trung thực của thông tin cung cấp, chấp hành các quy định hiện hành về quyền tác giả, quy định về bảo vệ bí mật Nhà nước, quy định của ngành Công an.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nội dung cung cấp thông tin

Công an các đơn vị, địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, chủ động cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các nội dung thông tin sau:

1. Thông tin chung được công khai về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Bộ Công an và Công an các đơn vị, địa phương.

2. Thông tin về các hoạt động thăm và làm việc của lãnh đạo Đảng, Nhà nước đối với lực lượng Công an nhân dân, lãnh đạo Bộ Công an với Công an các đơn vị, địa phương; các hội nghị, hội thảo, sự kiện do Bộ Công an tổ chức hoặc tham gia; các hoạt động đối ngoại của Bộ Công an; thông tin, tài liệu phục vụ lãnh đạo Bộ tiếp khách quốc tế, dự hội nghị, hội thảo tại Việt Nam và nước ngoài; các hội nghị, hội thảo, sự kiện do Công an các đơn vị, địa phương tổ chức (sau đây gọi tắt là các hoạt động, sự kiện).

3. Các văn bản chỉ đạo của Đảng, Nhà nước có liên quan đến công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và xây dựng Công an nhân dân xét thấy cần thông tin, tuyên truyền.

4. Các văn bản, ý kiến chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Bộ Công an, lãnh đạo Công an các đơn vị, địa phương cần đăng tải trên Internet, phục vụ công tác tuyên truyền, định hướng, quán triệt, chỉ đạo. Quan điểm và giải pháp của Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương về những vấn đề mà dư luận, báo chí quan tâm.

5. Tình hình liên quan công tác bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và xây dựng Công an nhân dân; âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của các loại tội phạm, nhất là các phương thức, thủ đoạn hoạt động mới; các nguy cơ đe dọa, ảnh hưởng đến an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội cần kịp thời cảnh báo cho cơ quan, doanh nghiệp, tổ chức và người dân.

6. Kết quả công tác định kỳ hoặc kết quả các chuyên đề công tác lớn về bảo vệ an ninh quốc gia, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội, đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và xây dựng Công an nhân dân của Bộ Công an và Công an các đơn vị, địa phương.

7. Thông tin về các vụ án đang được cơ quan điều tra của Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương điều tra mà xét thấy việc thông tin trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Công an có lợi cho quá trình điều tra và công tác đấu tranh, phòng, chống tội phạm.

8. Thông tin về xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc; kết quả các phong trào thi đua do Đảng, Chính phủ, Bộ Công an và Công an các đơn vị, địa

phương phát động; các mô hình, điển hình tiên tiến, hình ảnh, gương người tốt, việc tốt, gương dũng cảm của cán bộ, chiến sĩ Công an; hoạt động của lực lượng Công an nhân dân tham gia ứng phó, giúp người dân trong công tác phòng, chống và khắc phục hậu quả do thiên tai, sự cố, tai nạn xảy ra.

9. Thông tin về công tác thi hành án hình sự; việc triển khai thực hiện các quyết định về đặc xá, giảm thời gian chấp hành án phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện, công tác tái hòa nhập cộng đồng đối với người chấp hành xong án phạt tù; phổ biến, nhân rộng các mô hình, điển hình trong công tác tiếp nhận, quản lý, giáo dục, giúp đỡ người được đặc xá, tha tù trước thời hạn có điều kiện, người chấp hành xong quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng hòa nhập cộng đồng.

10. Thông tin được phép công khai về công tác tổ chức cán bộ, tuyển dụng cán bộ; công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, hoạt động tuyển sinh trong Công an nhân dân.

11. Thông tin về kết luận thanh tra của lực lượng Công an nhân dân; hoạt động tổ chức tiếp công dân, kết quả giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo; hoạt động phòng ngừa và đấu tranh chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

12. Thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, đấu thầu, mua sắm công.

13. Thông tin về các công trình nghiên cứu khoa học, sản phẩm khoa học và công nghệ trong ngành Công an (phục vụ dân sinh).

14. Thông tin về các đối tượng truy nã; các bản tin Interpol.

15. Thông tin về công tác pháp chế và cải cách hành chính, tư pháp, gồm:

a) Tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của lực lượng Công an nhân dân, trọng tâm là những văn bản quy phạm pháp luật do Bộ Công an ban hành hoặc chủ trì xây dựng, các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên điều chỉnh những lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của Bộ Công an; công tác dẫn độ, chuyển giao người đang chấp hành án phạt tù;

b) Tài liệu liên quan quá trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và văn bản quy phạm pháp luật sau khi cơ quan, người có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật về ban hành văn bản quy phạm pháp luật; các dự thảo văn bản pháp luật để lấy ý kiến Nhân dân theo quy định của pháp luật;

c) Thông tin về kết quả đàm phán, ký kết, gia nhập và thực hiện các điều ước quốc tế và văn bản hợp tác đối với nước ngoài theo chức năng, nhiệm vụ của lực lượng Công an nhân dân; thông tin về chương trình, dự án, hoạt động hợp tác quốc tế về pháp luật do lực lượng Công an nhân dân thực hiện;

d) Văn bản hợp nhất các văn bản quy phạm pháp luật do Bộ trưởng Bộ Công an ban hành hoặc chủ trì soạn thảo, liên tịch ban hành; kết quả xử lý văn bản quy phạm pháp luật theo quy định; kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; danh mục văn bản quy phạm pháp luật hết hiệu lực;

đ) Thông tin về công tác cải cách hành chính trong Công an nhân dân; bộ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Bộ Công an đang có hiệu lực thi hành;

e) Thông tin về công tác cải cách tư pháp trong Công an nhân dân.

16. Nội dung trả lời các câu hỏi của tổ chức, cá nhân đối với những lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý Nhà nước của Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương. Kết quả giải quyết, trả lời phản ánh, kiến nghị về Công an nhân dân; kết quả tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý vào các dự thảo văn bản của các cơ quan, tổ chức, cá nhân.

17. Thông tin về các dịch vụ công trực tuyến do Bộ Công an, Công an các đơn vị, địa phương triển khai.

18. Thông tin về các vụ việc, vấn đề phức tạp xảy ra tại Công an các đơn vị, địa phương mà dư luận, Nhân dân quan tâm.

19. Thông tin do lãnh đạo Công an các đơn vị, địa phương phát ngôn hoặc cung cấp cho báo chí về các vấn đề phức tạp dư luận xã hội quan tâm mà không thông qua Cổng thông tin điện tử hoặc Trang thông tin điện tử của đơn vị, địa phương mình.

20. Thông tin về các tổ chức, cá nhân liên quan đến khủng bố, tài trợ khủng bố.

21. Thông tin phản bác các quan điểm sai trái, thù địch, thông tin sai lệch về Đảng, Nhà nước, ngành Công an và công tác bảo đảm an ninh, trật tự.